



**Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu
tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Hoạt động Chứng khoán số	73/UBCK-GP	ngày 18 tháng 12 năm 2007
	109/QD-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
	218/QD-UBCK	ngày 8 tháng 4 năm 2009
	411/QD-UBCK	ngày 10 tháng 7 năm 2009
	65/QD-UBCK	ngày 28 tháng 1 năm 2010
	23/GPDC-UBCK	ngày 6 tháng 4 năm 2011
	35/GPDC-UBCK	ngày 12 tháng 8 năm 2013

Giấy phép Hoạt động Chứng khoán đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Chủ tịch
	Ông Vũ Hoài Linh	Thành viên
	Ông Moon Kyung Kang	Thành viên
	Ông Byoung Youb Jeon	Thành viên
	Ông Seong Moon Jeong	Thành viên

Tổng Giám đốc Ông Woo Young Ki

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính 91 Pasteur, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội Tầng 4, Tòa nhà Phương Nam Bank
27 Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 11 tháng 8 năm 2014, được trình bày từ trang 4 đến 42. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Giấy chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo soát xét số: 14-01-193/3



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a – CTCK

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		311.841.810.471	309.292.895.448
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	103.070.776.404	150.115.053.286
Tiền	111		62.373.776.404	56.327.053.286
Các khoản tương đương tiền	112		40.697.000.000	93.788.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	180.641.796.461	120.226.485.528
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		180.697.651.578	120.288.154.258
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(55.855.117)	(61.668.730)
Các khoản phải thu – ngắn hạn	130		27.193.024.551	38.224.062.382
Trả trước cho người bán	132		-	29.472.979
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	25.029.925.396	29.838.766.305
Các khoản phải thu khác	138	8	2.163.099.155	8.355.823.098
Tài sản ngắn hạn khác	150		936.213.055	727.294.252
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		868.896.896	660.294.253
Tài sản ngắn hạn khác	158		67.316.159	66.999.999
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		8.985.545.179	9.898.791.621
Tài sản cố định	220		4.605.474.350	5.650.222.732
Tài sản cố định hữu hình	221	9	758.301.244	1.029.100.980
<i>Nguyên giá</i>	222		11.970.104.366	11.970.104.366
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.211.803.122)	(10.941.003.386)
Tài sản cố định vô hình	227	10	3.847.173.106	4.621.121.752
<i>Nguyên giá</i>	228		7.521.375.340	7.484.375.340
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.674.202.234)	(2.863.253.588)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	572.618.000	572.618.000
Đầu tư dài hạn khác	258		572.618.000	572.618.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – CTCK

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn khác	260		3.807.452.829	3.675.950.889
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.504.613.476	1.384.266.740
Tiền ký quỹ Quý Hỗ trợ Thanh toán	263	12	1.567.158.026	865.992.296
Tài sản dài hạn khác	268	13	735.681.327	1.425.691.853
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		320.827.355.650	319.191.687.069
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		63.166.228.239	58.988.069.412
Nợ ngắn hạn	310		63.118.861.330	58.928.182.412
Phải trả người bán	312		-	1.113.544.500
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	222.820.260	323.020.801
Chi phí phải trả	316	15	718.484.558	1.174.347.025
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	206.540.346	233.498.859
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	61.971.016.166	56.083.771.227
Nợ dài hạn	330		47.366.909	59.887.000
Dự phòng – dài hạn	337		47.366.909	59.887.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	18	257.661.127.411	260.203.617.657
Vốn chủ sở hữu	410		257.661.127.411	260.203.617.657
Vốn cổ phần	411	19	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	415		11.875.117	11.875.117
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	418		11.875.117	11.875.117
Lỗi lũy kế	420		(42.362.622.823)	(39.820.132.577)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		320.827.355.650	319.191.687.069

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – CTCK

	Mã số	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
5. Ngoại tệ các loại	005	3.765.217	3.726.738
6. Chứng khoán lưu ký	006	8.817.330.660.000	8.171.842.420.000
Trong đó:			
6.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	8.775.837.130.000	8.161.343.670.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	204.960.000	199.510.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	156.840.310.000	153.740.240.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	8.618.791.860.000	8.007.403.920.000
6.4 <i>Chứng khoán nắm giữ tạm thời</i>	022	194.800.000	194.800.000
6.4.2 Chứng khoán nắm giữ tạm thời của khách hàng trong nước	024	194.800.000	194.800.000
6.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	4.115.430.000	9.715.700.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	2.024.700.000	9.415.700.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	2.090.730.000	300.000.000
6.7 <i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	80.040.000	588.250.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	150.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	80.040.000	441.220.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	-	146.880.000
6.8 <i>Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	042	37.103.260.000	20.515.960.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	37.103.260.000	20.515.960.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – CTCK

	Mã số	30/6//2014 VND	31/12/2013 VND
7. Chứng khoán lưu ký chưa niêm yết	050	6.753.320.000	6.077.060.000
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	6.753.320.000	6.077.060.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	4.090.000	2.250.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	3.598.550.000	2.856.130.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	3.150.680.000	3.218.680.000

Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Woo Young Ki
Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01 – CTCK

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		14.697.804.614	16.538.694.207
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán			3.812.161.455	4.865.233.427
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			4.373.280	4.049.815
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn			-	50.000.000
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán			139.215.336	146.290.463
Doanh thu khác		20	10.742.054.543	11.473.120.502
Chi phí hoạt động	11		8.920.851.595	13.824.672.890
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		5.776.953.019	2.714.021.317
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.326.413.762	9.715.608.974
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(2.549.460.743)	(7.001.587.657)
Thu nhập khác		31	6.975.970	5.427.667
Chi phí khác		32	5.473	2.334.160
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.970.497	3.093.507
Lỗ trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.542.490.246)	(6.998.494.150)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	21	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.542.490.246)	(6.998.494.150)

Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Woo Young Ki
Tổng giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – CTCK

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	(2.542.490.246)	(6.998.494.150)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.081.748.382	1.178.986.219
Các khoản dự phòng	03	(5.813.613)	5.493.930
Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng	05	(8.580.545.680)	(10.498.479.146)
Tiền lãi từ hoạt động ứng trước cho khách hàng	05	(253.072.559)	(98.587.665)
Tiền lãi từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ	05	(1.908.436.304)	(868.550.848)
Chi phí lãi vay	06	18.882.423	38.402.777
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(12.189.727.597)	(17.241.228.883)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	4.746.744.138	(12.838.792.630)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	4.178.158.827	101.316.590.683
Biến động chi phí trả trước	12	(328.949.379)	(34.702.983)
		(3.593.774.011)	71.201.866.187
Tiền lãi vay đã trả	13	(18.882.423)	(38.402.777)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(3.612.656.434)	71.163.463.410
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(37.000.000)	(536.377.800)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(60.400.000.000)	(102.350.000.000)
Tiền chi mua các khoản đầu tư	25	(9.497.320)	(12.165.480)
Tiền thu lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng	27	14.655.993.308	10.465.397.480
Tiền thu lãi từ khoản ứng trước cho khách hàng	27	255.514.295	92.752.963
Tiền thu lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	27	2.103.369.269	748.823.050
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(43.431.620.448)	(91.591.569.787)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – CTCK

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	50	(47.044.276.882)	(20.428.106.377)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	150.115.053.286	225.995.738.453
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	103.070.776.404	205.567.632.076

Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Woo Young Ki
Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 09a – CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty có 32 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 41 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, các yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong báo cáo tài chính giữa niên độ này, một vài thông tin và số liệu thường được bao gồm trong thuyết minh báo cáo tài chính đã được tóm gọn hoặc loại bỏ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp. Các chính sách kế toán được áp dụng bởi Công ty cho các báo cáo tài chính giữa niên độ này giống như những chính sách kế toán Công ty áp dụng cho báo cáo tài chính năm tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này là cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(c) Chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản vốn góp mà Công ty dự định nắm giữ hơn một năm.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (kể toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán thỏa mãn yêu cầu có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND tại ngày báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng không được tự do mua bán trên thị trường OTC và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Tổng Giám đốc.

Sau khi khoản dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng này sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Nguyên giá chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền được nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản ứng trước cho khách hàng trong các hoạt động giao dịch chứng khoán, khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn hoặc các khoản lỗ dự kiến đối với các khoản nợ chưa đến hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế phá sản hoặc giải thể; hoặc bên mượn nợ mất tích, bỏ trốn, bị truy tố, đi tù, đang bị xét xử, được hưởng án treo hoặc đã qua đời.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng nợ quá hạn được lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tình trạng nợ quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (01) đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên lỗ dự kiến của các khoản nợ chưa đến hạn được lập dựa trên quyết định của Tổng Giám đốc sau khi xem xét khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ dụng cụ văn phòng	4 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf

Phí hội viên câu lạc bộ chơi golf được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm chi phí nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm và các thiết bị giá trị thấp khác được phân loại lại ra khỏi tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và được phân bổ theo Phương pháp đường thẳng trong vòng không hơn 3 năm tính từ ngày phân loại lại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(h) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(j) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(m) Dự trữ bắt buộc

Theo Quyết định số 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành, các công ty chứng khoán hàng năm phải thực hiện việc trích lập hàng năm các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(iii) Doanh thu từ dịch vụ tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên tham chiếu bảng khảo sát các công việc đã thực hiện.

(iv) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại các ngân hàng. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

4. Khối lượng và giá trị giao dịch trong kỳ

	Khối lượng giao dịch		Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
a) Công ty Cổ phiếu	550	448	9.133.770	6.650.640
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	125.733.133	74.159.229	2.173.526.528.000	1.573.638.228.200
Trái phiếu	16.901.190	46.400.000	1.753.092.784.479	5.016.196.900.000
	142.634.873	120.559.677	3.926.628.446.249	6.589.841.778.840

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	3.383.000	5.542.500
Tiền gửi ngân hàng	62.370.393.404	56.321.510.786
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>61.971.016.167</i>	<i>56.083.771.227</i>
Các khoản tương đương tiền	40.697.000.000	93.788.000.000
	103.070.776.404	150.115.053.286

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có số ngoại tệ xấp xỉ 3.765.217 VND (31/12/2013: 3.726.738 VND).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

6. Các khoản đầu tư

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị sổ sách		Tăng		So với giá trị trường		Giảm		Giá trị thị trường	
	Số dư cuối kỳ Cổ phiếu/Trái phiếu	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND	Số dư cuối kỳ VND	Số dư đầu kỳ VND
I. Chứng khoán thương mại (i)	11.909	11.180	297.651.578	288.154.258	48.004.612	33.266.195	55.855.117	61.668.730	289.801.073	259.751.723		
Cổ phiếu niêm yết	10.909	10.180	196.399.515	186.902.195	48.004.612	33.266.195	55.855.117	61.668.730	188.549.010	158.499.660		
ACB	1.453	1.449	39.700.320	39.700.320	-	-	17.383.520	17.095.920	22.376.200	22.604.400		
CII	35	33	857.740	824.800	-	-	213.740	187.900	644.000	636.900		
DBC	33	33	623.700	623.700	85.800	13.200	-	-	709.500	636.900		
NTP	100	100	5.250.000	5.250.000	-	740.000	-	-	5.250.000	5.990.000		
PLC	394	302	7.349.420	5.370.500	-	156.100	60.420	-	7.289.000	5.526.600		
PVT	19	19	117.450	117.450	112.450	104.850	-	-	229.900	222.300		
PVX	696	646	8.367.400	8.209.900	-	-	5.444.200	6.271.900	2.923.200	1.938.000		
RCL	165	165	8.058.600	8.058.600	-	-	4.197.600	5.055.600	3.861.000	3.003.000		
TCT	180	90	7.146.000	7.146.000	11.214.000	8.064.000	-	-	18.360.000	15.210.000		
VCG	414	414	7.253.900	7.253.900	-	-	-	-	5.423.400	4.181.400		
VSP	280	280	8.225.000	8.225.000	-	-	7.497.000	7.805.000	728.000	420.000		
PVS	349	292	5.896.950	4.434.900	4.293.850	1.492.700	-	-	10.190.800	5.927.600		
Khác	6.791	6.357	97.493.635	91.687.125	32.298.512	22.695.345	19.228.137	22.179.910	110.564.010	92.202.560		
Trái phiếu	1.000	1.000	101.252.063	101.252.063	-	-	-	-	101.252.063	101.252.063		
TD1114053	1.000	1.000	101.252.063	101.252.063	-	-	-	-	101.252.063	101.252.063		
II. Đầu tư ngắn hạn khác			180.400.000.000	120.000.000.000	-	-	-	-	180.400.000.000	120.000.000.000		
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (ii)			180.400.000.000	120.000.000.000	-	-	-	-	180.400.000.000	120.000.000.000		
			180.697.651.578	120.288.154.258	48.004.612	33.266.195	55.855.117	61.668.730	180.689.801.073	120.259.751.723		

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị sổ sách		Tăng		So với giá trị trường		Giảm		Giá trị thị trường	
	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
	Cổ phiếu/Trái phiếu		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
III. Đầu tư dài hạn khác			572.618.000	572.618.000	-	-	-	-	-	-	N/A	N/A
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) (iii)			572.618.000	572.618.000	-	-	-	-	-	-	N/A	N/A

(i) Chứng khoán thương mại thể hiện các chứng khoán lô lẻ Công ty mua từ nhà đầu tư.

(ii) Khoản này phản ánh tiền gửi có kỳ hạn sáu tháng và mười hai tháng tại các ngân hàng tại Việt Nam. Các khoản tiền gửi này sẽ đáo hạn vào ngày 6 tháng 11 năm 2014, 1 tháng 12 năm 2014 và 7 tháng 5 năm 2015.

(iii) Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) (“Mirae Asset Realty”) là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% trong tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty. Khoản đầu tư này được phản ánh trong các báo cáo tài chính giữa niên độ này theo nguyên giá. Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này (Thuyết minh 23(e)).

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng		Giai đoạn sáu tháng	
	từ 1/1/2014	đến 30/6/2014	từ 1/1/2013	đến 30/6/2013
	VND		VND	
Số dư đầu kỳ		61.668.730		59.007.160
Tăng dự phòng trong kỳ		11.352.965		5.656.507
Hoàn nhập		(17.166.578)		(162.577)
Số dư cuối kỳ		55.855.117		64.501.090

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

7. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu khách hàng	118.979.582	-
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	469.981.745	2.045.238.707
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (ii)	24.440.964.069	27.793.527.598
	<hr/>	<hr/>
	25.029.925.396	29.838.766.305
	<hr/>	<hr/>

- (i) Các khoản tạm ứng cho khách hàng trong hoạt động giao dịch chứng khoán chịu lãi suất là 0,04%/ngày và trong kỳ các khoản tạm ứng này có kỳ hạn ban đầu từ 1 đến 3 ngày (2013: 0,05%).
- (ii) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho các khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ. Khoản vay này có kỳ hạn ban đầu là 90 ngày, và trong kỳ khoản vay này chịu lãi suất là 0,028%/ngày cho hợp đồng năm tháng đầu của năm trăm khách hàng đầu tiên và 0,04%/ngày cho các hợp đồng khác (2013: tương ứng là 0,028% và 0,04%). Khoản ký quỹ ban đầu và ký quỹ duy trì tối thiểu cho giao dịch ký quỹ là 50% và 45%.

8. Các khoản phải thu khác

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	2.013.309.900	8.088.757.528
Phải thu khác	149.789.255	267.065.570
	<hr/>	<hr/>
	2.163.099.155	8.355.823.098
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong các khoản phải thu khác có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	88.826.125	79.626.125
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

9. Tài sản cố định hữu hình

Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	7.514.235.007	4.455.869.359	11.970.104.366
Số dư cuối kỳ	7.514.235.007	4.455.869.359	11.970.104.366
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	6.485.134.027	4.455.869.359	10.941.003.386
Khấu hao trong kỳ	270.799.736	-	270.799.736
Số dư cuối kỳ	6.755.933.763	4.455.869.359	11.211.803.122
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.029.100.980	-	1.029.100.980
Số dư cuối kỳ	758.301.244	-	758.301.244

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	9.287.038.425	4.455.869.359	13.742.907.784
Tăng trong kỳ	46.860.000	-	46.860.000
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(116.532.623)	-	(116.532.623)
Số dư cuối kỳ	9.217.365.802	4.455.869.359	13.673.235.161
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.432.477.814	4.455.869.359	11.888.347.173
Khấu hao trong kỳ	397.262.185	-	397.262.185
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(60.375.892)	-	(60.375.892)
Số dư cuối kỳ	7.769.364.107	4.455.869.359	12.225.233.466
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.854.560.611	-	1.854.560.611
Số dư cuối kỳ	1.448.001.695	-	1.448.001.695

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 9.831.389.763 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.789.169.763 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	7.484.375.340	10.723.811.049
Tăng trong kỳ	37.000.000	416.017.800
Số dư cuối kỳ	7.521.375.340	11.139.828.849
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	2.863.253.588	6.612.843.593
Khấu hao trong kỳ	810.948.646	781.724.034
Số dư cuối kỳ	3.674.202.234	7.394.567.627
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	4.621.121.752	4.110.967.456
Số dư cuối kỳ	3.847.173.106	3.745.261.222

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 1.206.980.729 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.151.543.729 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

11. Chi phí trả trước dài hạn

Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2014 đến 30/6/2014	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.081.150.745	303.115.995	1.384.266.740
Tăng trong kỳ	-	558.394.273	558.394.273
Thanh lý	-	(6.785.391)	(6.785.391)
Phân bổ trong kỳ	(15.593.526)	(415.668.620)	(431.262.146)
Số dư cuối kỳ	1.065.557.219	439.056.257	1.504.613.476
Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.112.337.786	781.515.988	1.893.853.774
Phân bổ trong kỳ	(15.593.521)	(278.956.703)	(294.550.224)
Số dư cuối kỳ	1.096.744.265	502.559.285	1.599.303.550

12. Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	1.567.158.026	865.992.296

Theo các Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Biến động tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Số dư đầu kỳ	865.992.296	408.599.012
Tiền ký quỹ bổ sung trong kỳ	611.855.316	413.277.696
Tiền lãi trong kỳ	89.310.414	44.115.588
Số dư cuối kỳ	1.567.158.026	865.992.296

13. Tài sản dài hạn khác

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	735.681.327	1.425.691.853

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	153.752.088	252.989.194
Thuế thu nhập của nhà đầu tư	67.266.173	69.596.975
Các loại thuế khác	1.801.999	434.632
	222.820.260	323.020.801

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

15. Chi phí phải trả

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền thưởng phải trả	275.134.628	735.017.439
Phí chuyên môn	145.000.000	165.000.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	133.653.261	103.298.635
Chi phí thuê	-	30.665.000
Chi phí khác	164.696.669	140.365.951
	<hr/>	<hr/>
	718.484.558	1.174.347.025
	<hr/>	<hr/>

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	162.339.249	146.681.389
Phải trả cho các thẻ tín dụng	44.201.097	86.814.075
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.395
	<hr/>	<hr/>
	206.540.346	233.498.859
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	61.971.016.166	56.083.771.227
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(39.820.132.577)	260.203.617.657
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(2.542.490.246)	(2.542.490.246)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(42.362.622.823)	257.661.127.411
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(25.429.638.289)	274.594.111.945
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(6.998.494.150)	(6.998.494.150)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(32.428.132.439)	267.595.617.795

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2014 và 31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.000.000	300.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Trong kỳ, Công ty không có biến động vốn cổ phần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

	Số cổ phiếu	VND	%
Công ty Mirae Asset Securites (HK) Ltd	14.700.000	147.000.000.000	49,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư – Xây dựng P/E	13.590.000	135.900.000.000	45,3%
Cổ đông khác	1.710.000	17.100.000.000	5,7%
	30.000.000	300.000.000.000	100,0%

Công ty mẹ trực tiếp, Công ty Mirae Asset Securites (HK) Ltd, công ty mẹ cấp trung gian, Công ty Mirae Asset Securities Co., Ltd., và công ty mẹ cấp cao nhất Mirae Asset Financial Group, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

20. Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu bao gồm khoản thu nhập tiền lãi từ tiền gửi tại ngân hàng với số tiền là 8.580.545.680 VND cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 10.498.479.146 VND).

21. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND
Lỗi trước thuế	2.542.490.246	6.998.494.150
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(559.347.854)	(1.749.623.538)
Chi phí không được khấu trừ thuế	22.021.276	124.647.133
	(537.326.578)	(1.624.976.405)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	537.326.578	1.624.976.405
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của Công ty là 22%. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

30/6/2014		31/12/2013	
Lỗ tính thuế VND	Giá trị tính thuế VND	Lỗ tính thuế VND	Giá trị tính thuế VND
36.777.842.193	8.069.104.006	34.235.351.947	7.531.777.428
36.777.842.193	8.069.104.006	34.235.351.947	7.531.777.428

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với lỗ tính thuế vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản lỗ này.

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2015	Đã quyết toán	16.155.547.593
2016	Đã quyết toán	8.167.713.672
2018	Chưa quyết toán	13.791.928.638
2019	Chưa quyết toán	2.442.393.536
		40.557.583.439
	Trừ đi lỗ tính thuế đã sử dụng	(3.879.837.956)
	Lỗ tính thuế còn hiệu lực	36.677.745.483

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

22. Biến động các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ		Biến động		Số dư cuối kỳ		Dự phòng được lập VND
	Tổng VND	Quá hạn VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng VND	Quá hạn VND	
1. Phải thu khách hàng	-	-	-	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	29.472.979	-	42.500.000	71.972.979	-	-	-
3. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	29.838.766.305	-	308.856.752.771	313.665.593.680	25.029.925.396	-	-
4. Phải thu khác	8.355.823.098	-	7.772.011.065	13.964.735.008	2.163.099.155	-	-
	38.224.062.382	-	316.671.263.836	327.702.301.667	27.193.024.551	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

23. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	103.067.393.404	150.109.510.786
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	180.400.000.000	120.000.000.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán (ii)	25.029.925.396	29.838.766.305
Phải thu khác	2.163.099.155	8.355.823.098
Tài sản ngắn hạn khác	67.316.159	66.999.999
Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	1.567.158.026	865.992.296
Tài sản dài hạn khác	735.681.327	1.425.691.853
	313.030.573.467	310.662.784.337

(i) Tiền gửi tại ngân hàng

Tiền gửi tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng, chủ yếu bao gồm ứng trước cho khách hàng cho giao dịch chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ, mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn cho khách hàng đó. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Công ty thiết lập chính sách này cũng yêu cầu giá trị tài khoản chứng khoán của khách hàng là khoản tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của việc cho vay giao dịch ký quỹ đối với từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Bảng phân tích tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền		- 103.067.393.404	103.067.393.404
Đầu tư ngắn hạn khác		- 180.400.000.000	180.400.000.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	25.029.925.396	-	25.029.925.396
Phải thu khác		- 2.163.099.155	2.163.099.155
Tài sản ngắn hạn khác		- 67.316.159	67.316.159
Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán		- 1.567.158.026	1.567.158.026
Tài sản dài hạn khác		- 735.681.327	735.681.327
	25.029.925.396	288.000.648.071	313.030.573.467

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền		- 150.109.510.786	150.109.510.786
Đầu tư ngắn hạn khác		- 120.000.000.000	120.000.000.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	29.838.766.305	-	29.838.766.305
Phải thu khác		- 8.355.823.098	8.355.823.098
Tài sản ngắn hạn khác		- 66.999.999	66.999.999
Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán		- 865.992.296	865.992.296
Tài sản dài hạn khác		- 1.425.691.853	1.425.691.853
	29.838.766.305	280.824.018.032	310.662.784.337

Bảng bên dưới trình bày giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng – Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	4.143.419.805	6.748.306.530
Chứng khoán niêm yết trên		
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i>	64.514.716.600	40.485.554.700
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội</i>	8.806.353.500	21.069.616.000
	77.464.489.905	68.303.477.230

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền chưa chiết khấu theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND
Chi phí phải trả	718.484.558	718.484.558	718.484.558
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	61.971.016.166	61.971.016.166	61.971.016.166
Các khoản phải trả, phải nộp khác	206.540.346	206.540.346	206.540.346
	62.896.041.070	62.896.041.070	62.896.041.070

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền chưa chiết khấu theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND
Chi phí phải trả	1.174.347.025	1.174.347.025	1.174.347.025
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	56.083.771.227	56.083.771.227	56.083.771.227
Các khoản phải trả, phải nộp khác	233.498.859	233.498.859	233.498.859
	57.491.617.111	57.491.617.111	57.491.617.111

(c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tiền tệ của Công ty chủ yếu phát sinh từ tiền và các khoản tương đương tiền có gốc bằng USD. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty có gốc bằng USD tương đương 3.765.217 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.726.738 VND).

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.067.393.404	150.109.510.786
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	180.400.000.000	120.000.000.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	25,029,925,396	29.838.766.305
Phải trả người bán	-	(1.113.544.500)
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(61.971.016.166)	(56.083.771.227)
	246.526.302.634	242.750.961.364

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản sẽ làm tăng hoặc giảm 1,923 triệu VND lỗ thuần của Công ty (2013: 1.821 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là rất nhỏ vì các khoản nắm giữ chứng khoán thương mại là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
▪ Chứng khoán niêm yết	140.544.398	188.549.010	125.233.465	158.499.660
▪ Đầu tư dài hạn khác	572.618.000	(*)	572.618.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	103.070.776.404	(*)	150.115.053.286	(*)
▪ Các khoản đầu tư ngắn hạn	180.557.107.180	(*)	120.162.920.793	(*)
▪ Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	27.193.024.551	(*)	38.224.062.382	(*)
▪ Tài sản tài chính khác	802.997.486	(*)	1.492.691.852	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
▪ Các khoản phải trả người bán	-	(*)	(1.113.544.500)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(718.484.558)	(*)	(1.174.347.025)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(61.971.016.166)	(*)	(56.083.771.227)	(*)
▪ Nợ phải trả tài chính khác	(206.540.346)	(*)	(233.498.859)	(*)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

- (*) Công ty không xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam cho các doanh nghiệp và các công ty chứng khoán. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt với giá trị ghi sổ của chúng.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ Công ty không có các giao dịch đáng kể với các bên liên quan. Trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014, tổng số tiền lương và lợi ích khác đã trả cho thành viên ban lãnh đạo là 2.962.198.000 VND (giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013: 5.672.565.000 VND)

25. Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	-	1.068.785.614

Các khoản thanh toán thuê hoạt động phản ánh khoản tiền phải trả để thuê văn phòng của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh với khoản tiền thuê trung bình hàng tháng là 182.861.000 VND và Hà Nội với khoản tiền thuê trung bình hàng tháng là 2.223 USD. Theo thỏa thuận thì các hợp đồng thuê này có thời hạn từ 4 đến 5 năm. Khoản tiền thuê phải trả cố định trong suốt thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

26. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Các hoạt động của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

(a) Thuế

Theo luật thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào thời điểm cuối năm.

(b) Dự trữ bắt buộc

Công ty được yêu cầu trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần và quỹ dự phòng tài chính hàng năm. Số trích lập sẽ được xác định tại thời điểm cuối năm.

27. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày kỳ hiện thời. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2014 đến 30/6/2014 VND (phân loại lại)	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND (Theo báo cáo trước đây)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	4.865.233.427	5.011.523.890
Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán	146.290.463	-

Ngày 11 tháng 8 năm 2014

Người lập:

Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:

Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Ông Woo Young Ki
Tổng giám đốc